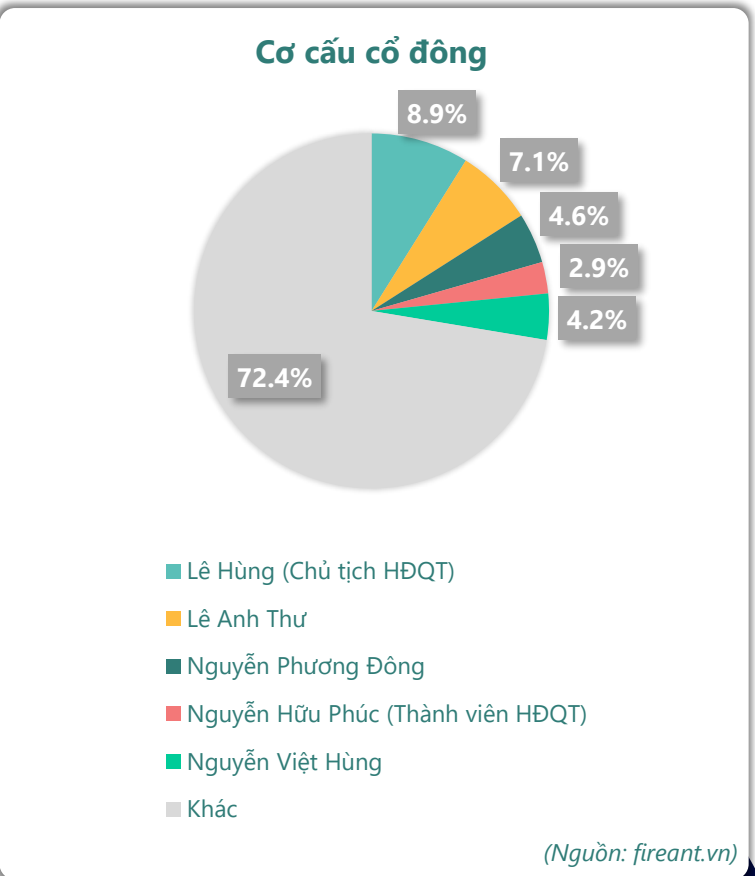
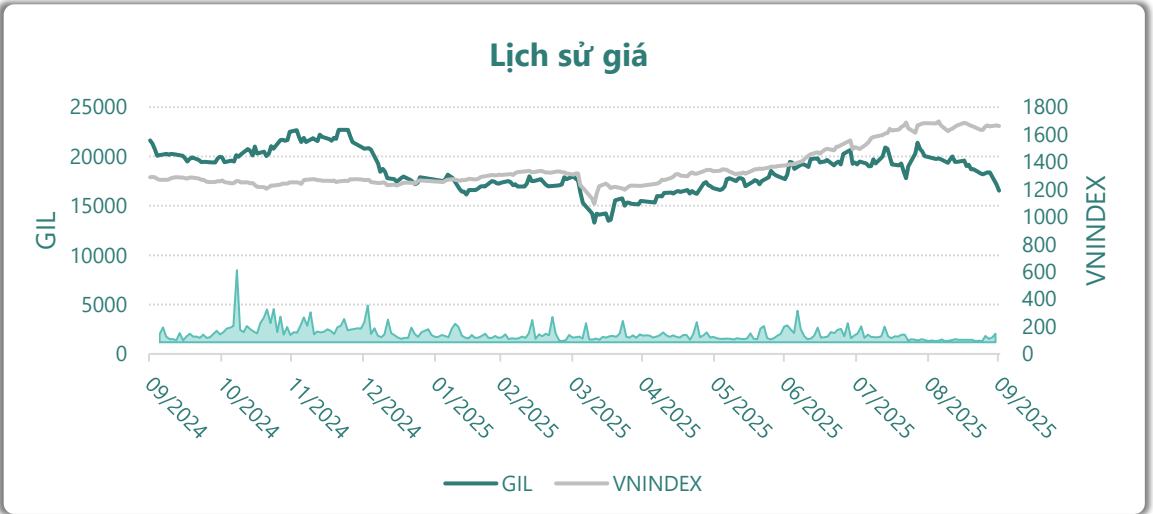
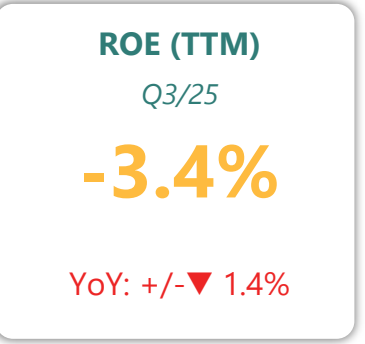
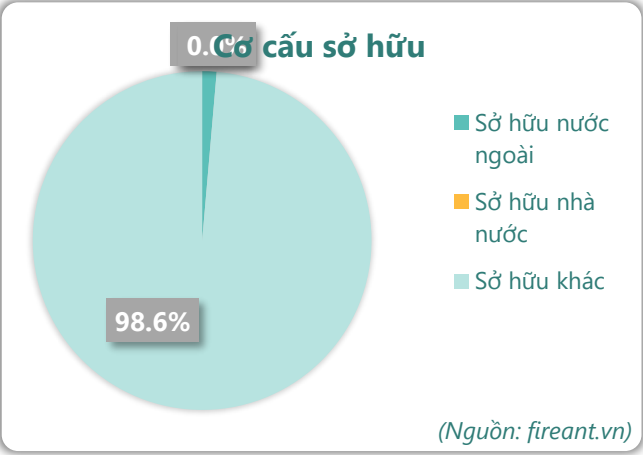


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

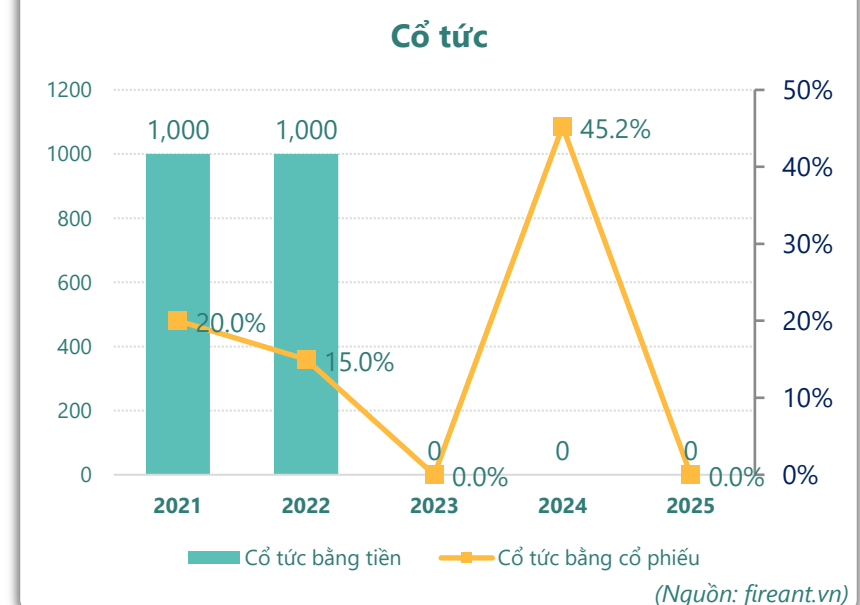
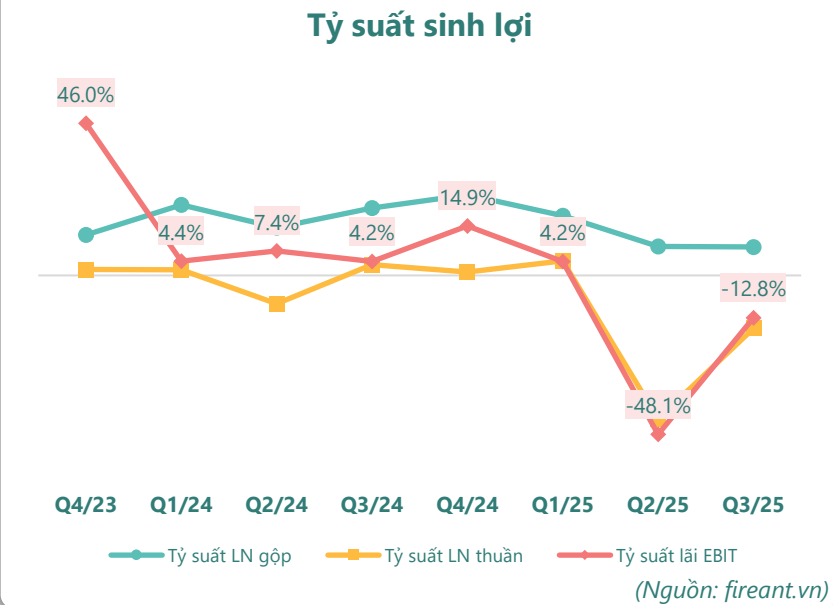
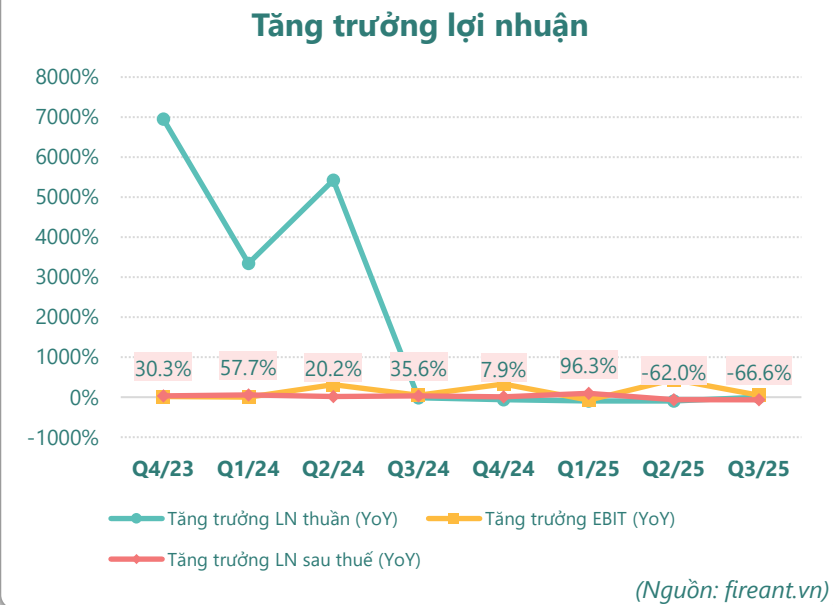
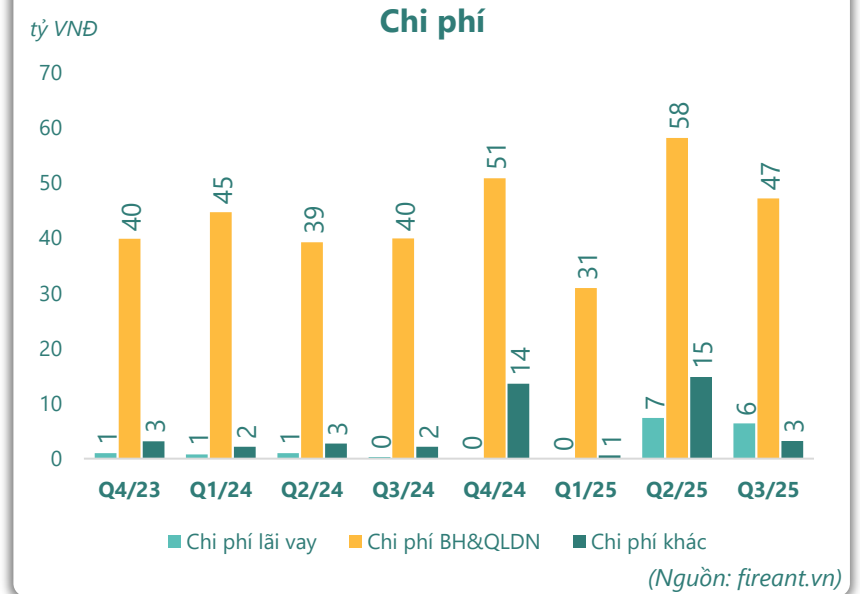
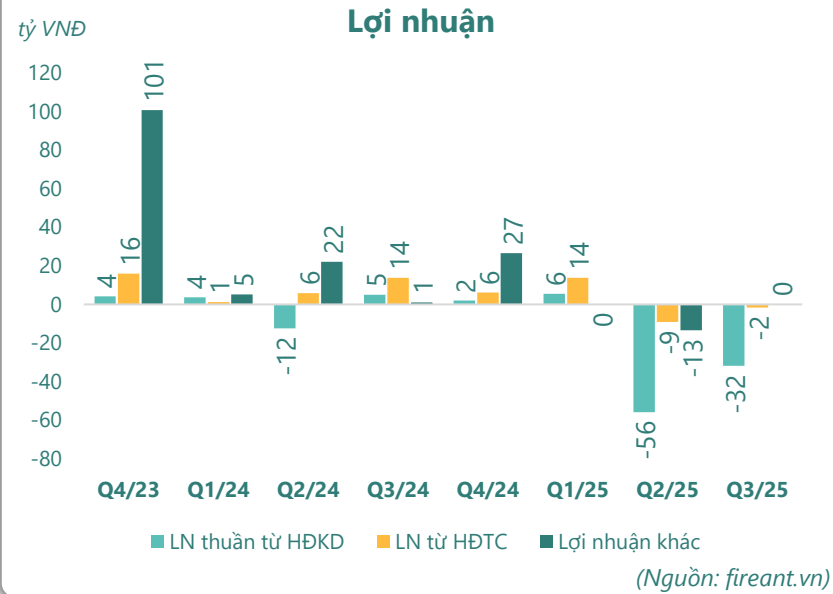
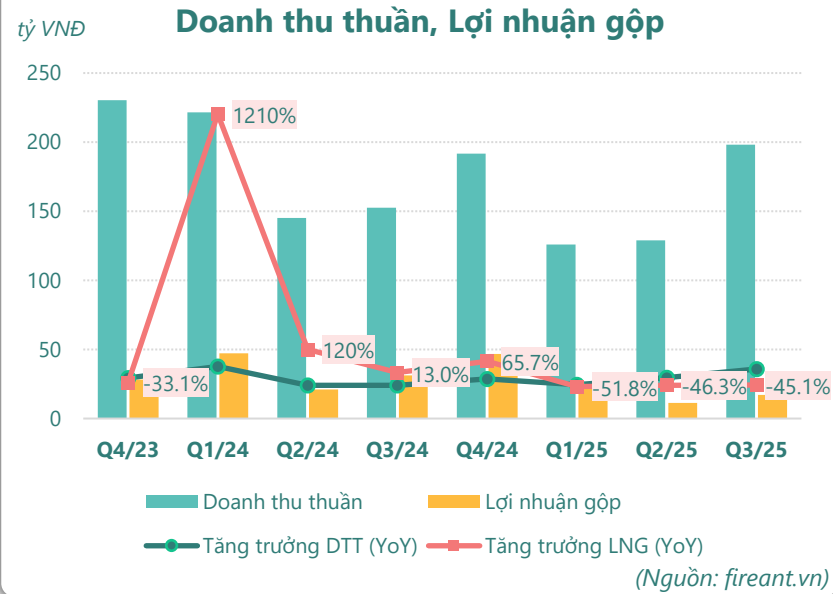
CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh

Ngày 30/09/2025	16,550 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-6.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,300 - 22,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,681
Số lượng CPLH (CP)	101,596,218
KLGD BQ 20 phiên (CP)	556,425
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	0.82
EPS	-846
P/E	-19.6

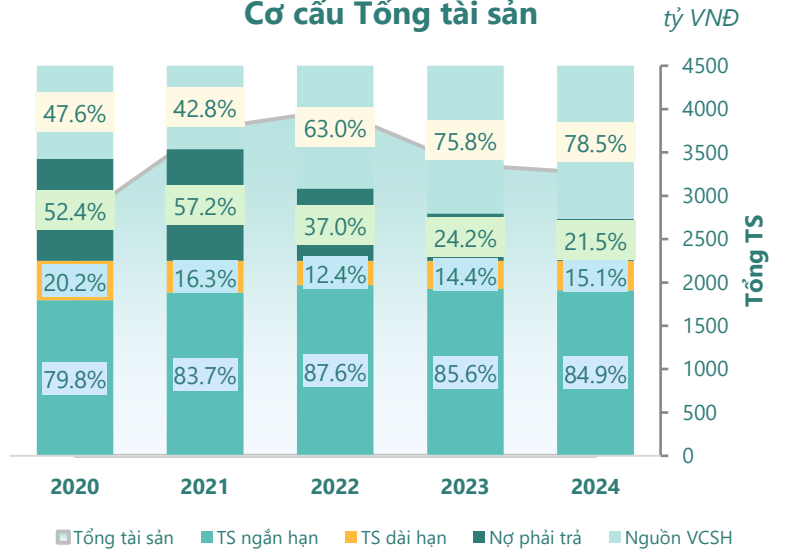


KẾT QUẢ KINH DOANH



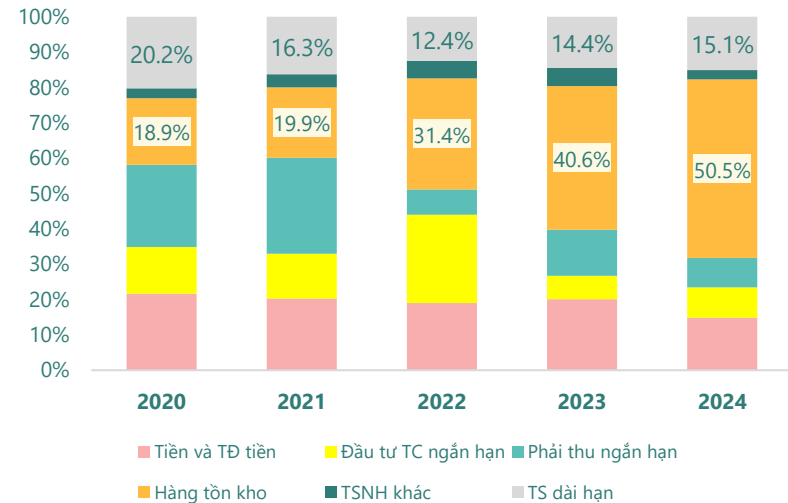
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



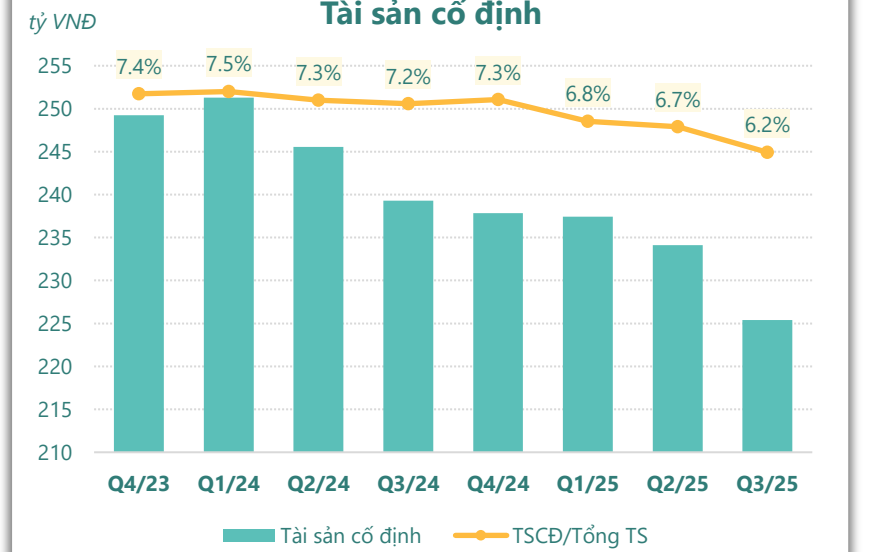
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



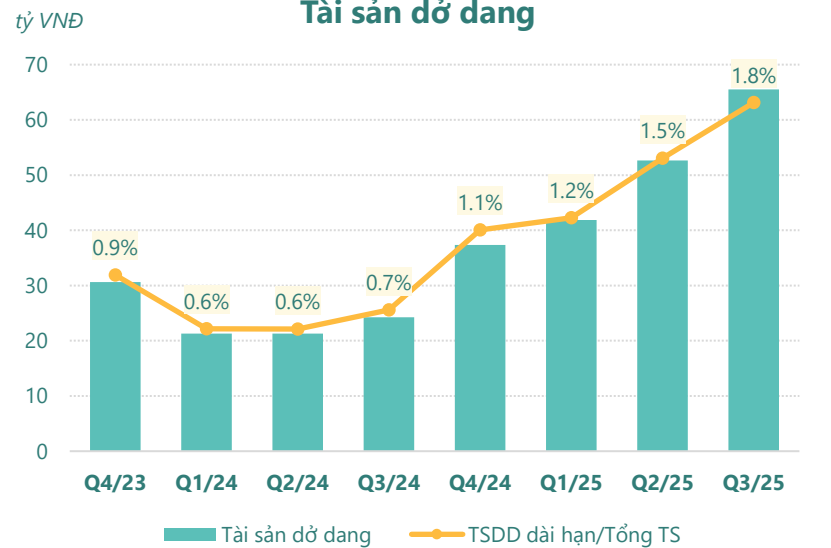
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



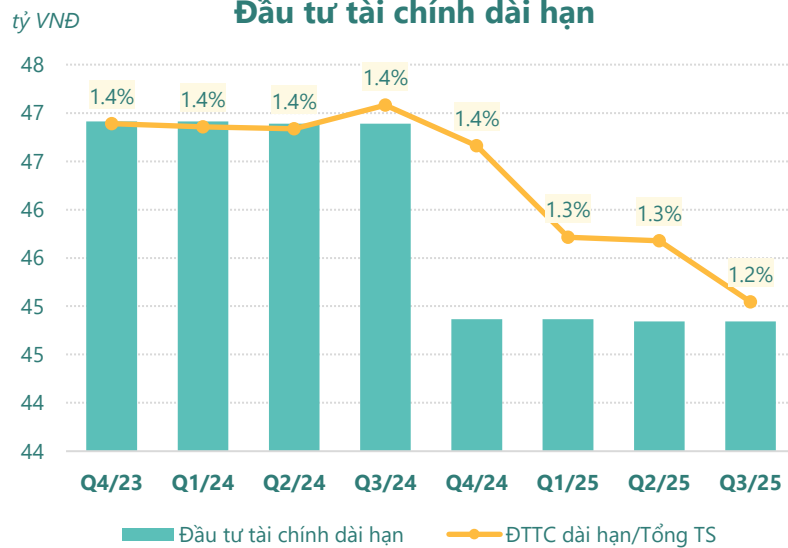
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



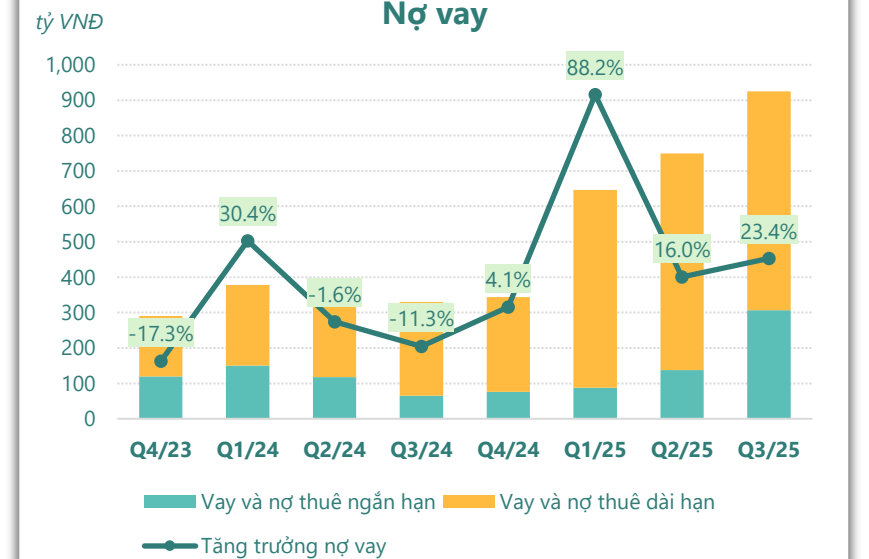
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



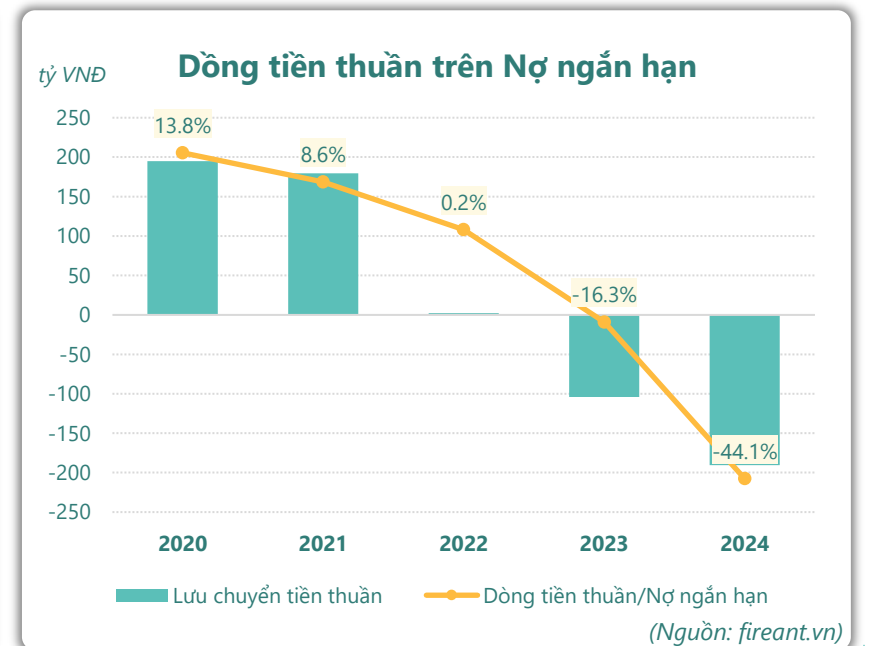
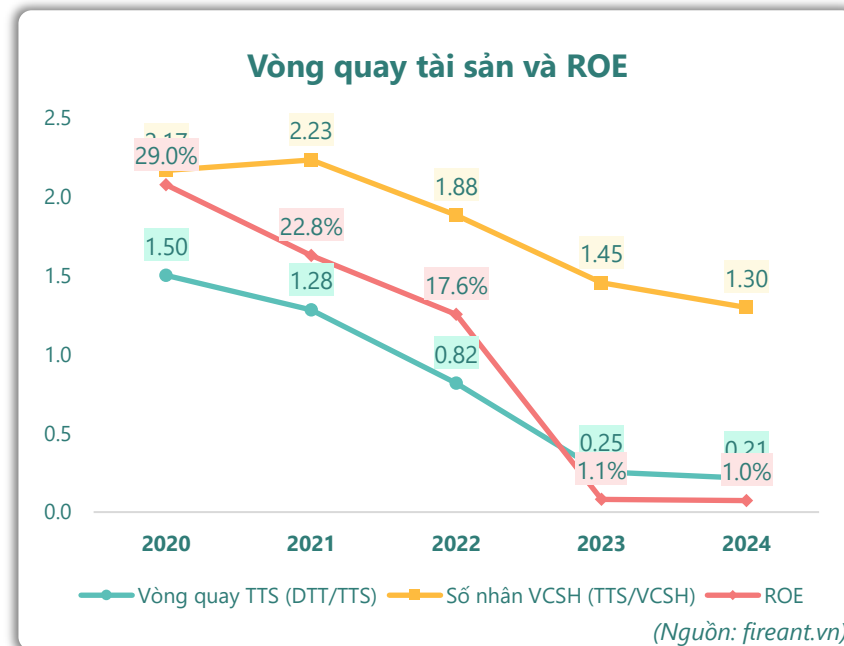
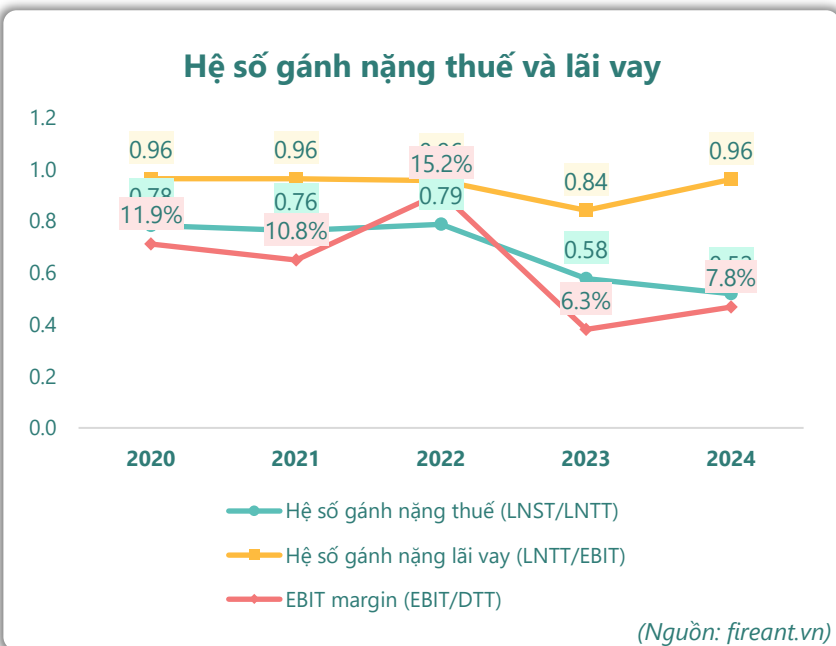
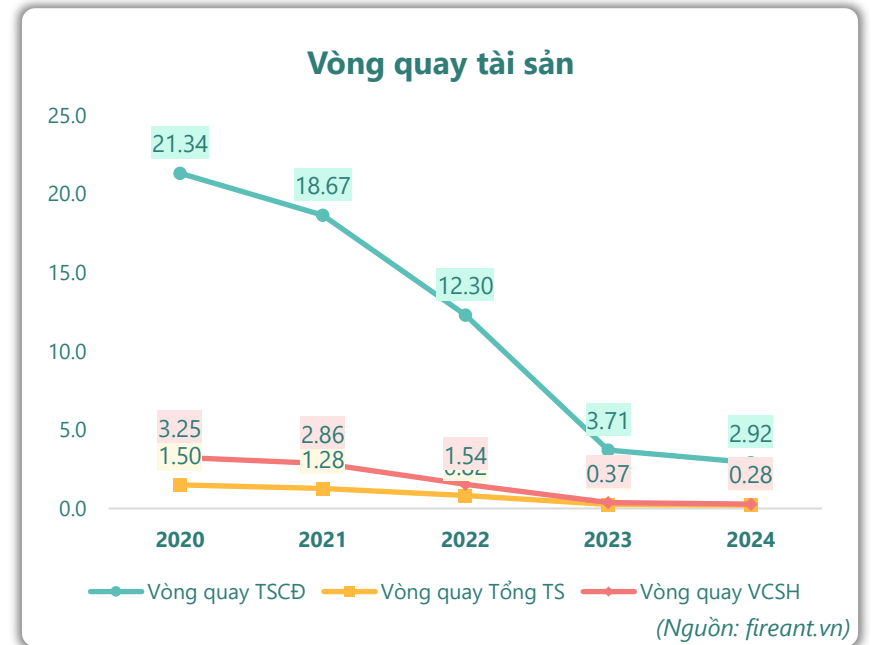
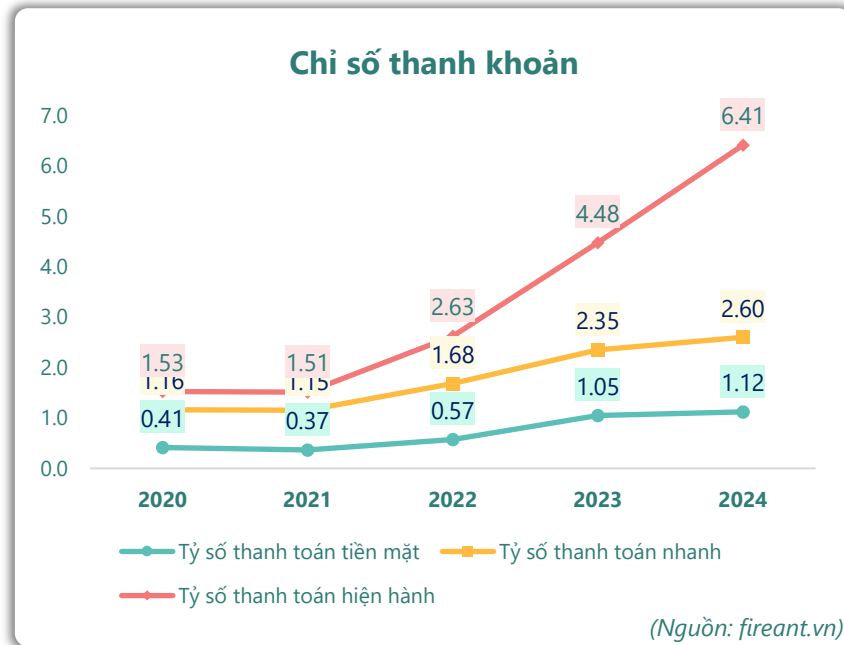
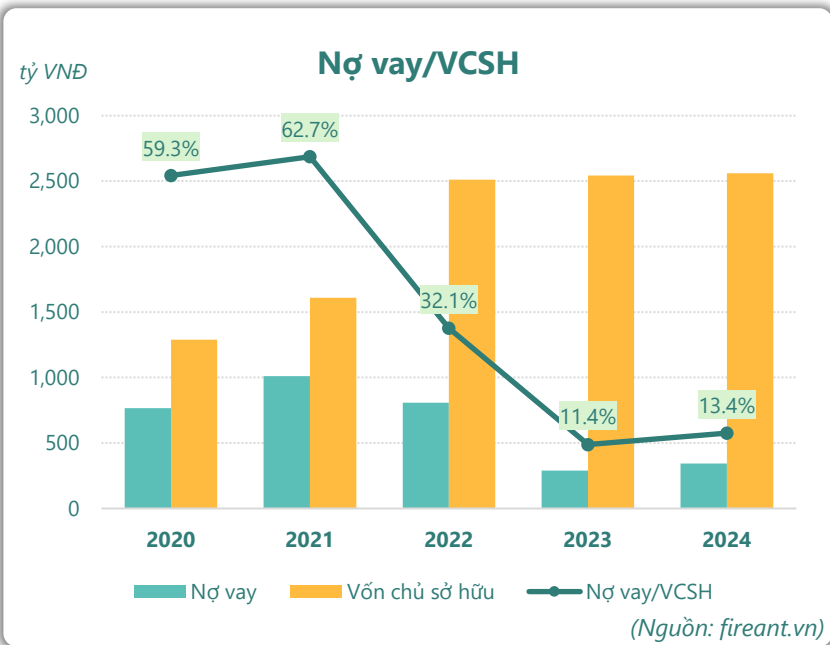
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	198	153	29.5%	453	519	-12.7%
Giá vốn hàng bán	181	121	49.6%	402	420	-4.2%
Lợi nhuận gộp	17.1	31.1	-45.1%	51.1	99.4	-48.6%
Doanh thu HĐTC	5.75	21.8	-73.6%	36.5	50.3	-27.3%
Chi phí TC	7.33	7.97	-8.1%	33.4	29.3	13.8%
Chi phí lãi vay	6.39	0.33	1838%	13.8	2.08	560%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		-0.02	-0.03	17.6%
Chi phí bán hàng	1.59	1.85	-14.1%	3.78	4.39	-13.8%
Chi phí QLDN	45.7	38.1	19.9%	133	120	10.9%
LN thuần từ HĐKD	-31.8	4.97	-739%	-82.1	-3.67	-2141%
Lợi nhuận khác	0.01	1.09	-98.9%	-13.7	28.3	-148%
LN trước thuế	-31.7	6.06	-624%	-95.8	24.7	-489%
Lợi nhuận sau thuế	-33.0	2.33	-1516%	-103	13.3	-871%
LNST của CĐ cty mẹ	-32.3	2.96	-1192%	-100	11.8	-949%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.9	-37.6	-70.2	-86.0	-211	-185
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.4	-29.7	126	-245	43.8	8.68
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.5	-62.1	15.6	303	59.5	205
Tiền đầu kỳ	539	542	413	484	456	349
Lưu chuyển tiền thuần	3.01	-129	71.7	-28.1	-108	29.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	-0.03	0.08	0	0.04	-0.04
Tiền cuối kỳ	542	413	484	456	349	378

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,630	3,262	11.3%
Tài sản ngắn hạn	3,127	2,771	12.8%
Tiền và tương đương tiền	378	484	-21.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	466	280	66.4%
Phải thu ngắn hạn	325	272	19.5%
Hàng tồn kho	1,881	1,647	14.2%
Tài sản ngắn hạn khác	76.6	87.7	-12.6%
Tài sản dài hạn	504	491	2.6%
Phải thu dài hạn	1.92	2.06	-6.7%
Tài sản cố định	225	238	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	65.5	37.3	75.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	44.8	44.9	0.0%
Tài sản dài hạn khác	86.3	76.9	12.2%
Lợi thế thương mại	79.8	91.9	-13.3%
Nợ phải trả	1,191	701	69.8%
Nợ ngắn hạn	570	432	32.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	307	76.5	301%
Phải trả người bán ngắn hạn	100	242	-58.5%
Nợ dài hạn	621	269	130%
Vay và nợ thuê dài hạn	618	267	132%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,440	2,561	-4.7%
Vốn chủ sở hữu	2,440	2,561	-4.7%
Vốn điều lệ	1,016	1,016	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

